

TỈNH ỦY HOÀ BÌNH
BAN CÁN SỰ ĐẢNG
ỦY BAN NHÂN DÂN

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

ĐỀ ÁN

**Ban hành Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy
Về hỗ trợ phát triển bền vững rừng sản xuất tỉnh Hòa Bình
giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2035**

--*--

*(Kèm theo Tờ trình số: -TTr/BCSD ngày tháng 3 năm 2020
của Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh)*

Phần thứ nhất SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ

I- SỰ CẦN THIẾT LẬP ĐỀ ÁN

Hòa Bình là tỉnh miền núi phía Tây Bắc với tổng diện tích tự nhiên 459.062,02 ha, trong đó diện tích quy hoạch cho lâm nghiệp là 298.013 ha, chiếm 64,66%. Diện tích quy hoạch rừng sản xuất là 149.429,0 ha, chiếm 51,70% tổng diện tích quy hoạch lâm nghiệp, bao gồm: Rừng tự nhiên 28.131,08 ha, rừng trồng 69.321,88 ha, đất trống 51.976,04 ha. Đây là tiềm năng lớn có vai trò quan trọng trong phát triển sản xuất lâm nghiệp, tạo việc làm và thu nhập cho phần lớn dân cư nông thôn, góp phần xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng trên địa bàn tỉnh.

Những năm qua, công tác phát triển rừng trên địa bàn đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, nhận thức về rừng của nhân dân được nâng lên, quan điểm định hướng xã hội hoá nghề rừng được triển khai thực hiện. Kết quả đến hết năm 2018, toàn tỉnh có tới 69.321,88 ha rừng trồng sản xuất, trong đó có khoảng 11,5 nghìn ha rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững FSC, chiếm 17% diện tích rừng trồng hiện có; cung cấp nguyên liệu cho sản xuất, chế biến, khẳng định lợi ích kinh tế từ rừng và góp phần duy trì độ che phủ rừng toàn tỉnh trên 51%.

Tuy vậy công tác phát triển rừng trồng sản xuất vẫn bộc lộ nhiều hạn chế, trong đó năng suất, chất lượng (chỉ đạt 65m³/ha/chu kỳ 5-6 năm), giá trị kinh tế từ rừng trồng còn khá thấp (chỉ 10,4 triệu đồng/ha/năm) so với bình quân của vùng và cả nước. Đặc biệt diện tích rừng quản lý bền vững và cấp chứng chỉ rừng FSC còn ít; quy cách, chất lượng gỗ khai thác không đáp ứng yêu cầu nguyên liệu cho chế biến gỗ, sản xuất đồ mộc cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Nguyên nhân chủ yếu là giống đưa vào trồng rừng chất lượng thấp, thời gian tăng trưởng sinh khối của cây rừng ngắn, rừng được khai thác non, gỗ nhỏ là chính, bán nguyên liệu thô hoặc băm dăm do thiếu vốn đầu tư; tập quán canh tác đa phần còn lạc hậu, phương thức sản xuất chủ yếu vẫn là quảng canh, chưa chú trọng các biện pháp thâm canh, tăng năng suất, chất lượng rừng; đặc biệt do tâm lý sử dụng giống trôi nổi giá rẻ, không

rõ nguồn gốc xuất xứ, kém chất lượng đưa vào trồng rừng; chưa hình thành vùng nguyên liệu gỗ lớn tập trung;

Với tình hình thực trạng như hiện nay, để nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị và hiệu quả kinh tế từ trồng rừng theo hướng chuyển đổi mô hình kinh doanh rừng trồng hướng tới chuyển đổi cơ cấu sản phẩm gỗ khai thác, tăng tỷ lệ diện tích rừng trồng gỗ lớn và cấp chứng chỉ FSC, cần tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng giống, thực hiện cách mạng về giống; chuyển dần tập quán sản xuất lâm nghiệp quảng canh sang thâm canh rừng; thay đổi thói quen khai thác rừng non (gỗ nhỏ) sang sản xuất kinh doanh gỗ lớn phục vụ công nghiệp chế biến gỗ hướng đến xuất khẩu; gắn phát triển rừng sản xuất với việc thực hiện tái cơ cấu ngành lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh, thì việc xây dựng “Đề án Hỗ trợ phát triển bền vững rừng sản xuất tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến 2035” là rất cần thiết.

II- CĂN CỨ PHÁP LÝ

1- Văn bản của Trung ương

- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2020;

- Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;

- Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/04/2018 về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

- Nghị định số 98/NĐ-CP ngày 05/07/2018 về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

- Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp;

- Quyết định số 886/QĐ-TTg, ngày 16/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ, Phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

- Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 28/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ, về một số nhiệm vụ, giải pháp phát triển nhanh và bền vững ngành công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ phục vụ xuất khẩu;

- Quyết định số 1565/QĐ-BNN-TCLN, ngày 8/7/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, phê duyệt đề án tái cơ cấu ngành lâm nghiệp;

- Quyết định số 1717/QĐ-BNN-TCLN ngày 14/5/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, về Ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 08/CT-TTg

ngày 28/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp phát triển nhanh và bền vững ngành công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ phục vụ xuất khẩu.

2- Văn bản của tỉnh

- Quyết định số 2403/QĐ-UBND, ngày 11/10/2013 của UBND tỉnh Hòa Bình, về Kế hoạch hành động tái cơ cấu ngành Nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững tỉnh Hòa Bình;

- Quyết định số 1157/QĐ-UBND ngày 28/4/2016 của UBND tỉnh Hòa Bình, về việc phê duyệt Dự án quy hoạch vùng sản xuất kinh doanh rừng gỗ lớn trên địa bàn tỉnh Hòa Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 3042/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh Hòa Bình, về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch ba loại rừng giai đoạn 2017-2025, định hướng 2030 tỉnh Hòa Bình.

Phần thứ hai

THỰC TRẠNG SẢN XUẤT LÂM NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN

I- GIÁ TRỊ SẢN XUẤT LÂM NGHIỆP

Năm 2018, giá trị sản xuất theo giá so sánh ngành nông lâm thủy sản chỉ là 10.441,8 tỷ đồng, chiếm 5,3% tổng giá trị sản xuất toàn tỉnh. Trong đó giá trị sản xuất Lâm nghiệp 1.065,5 tỷ đồng, chiếm 11,4%; tốc độ tăng trưởng hàng năm 6,13%/năm.

II- THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN RỪNG SẢN XUẤT

1- Về năng suất, chất lượng rừng

Trong giai đoạn từ 2014-2018 toàn tỉnh trồng được 38.573 ha rừng sản xuất; diện tích đất trồng, đồi trọc được phủ xanh, thu nhập và đời sống người dân ngày càng được cải thiện nhưng hầu hết diện tích rừng trồng áp dụng phương thức sản xuất kinh doanh gỗ nhỏ, khai thác rừng non với chu kỳ từ 5- 6 năm theo hình thức quảng canh; năng suất, chất lượng rừng còn thấp (khoảng 65m³/ha/chu kỳ); sản phẩm khai thác chủ yếu làm nguyên liệu giấy và dăm gỗ. Thu nhập cho một chu kỳ sản xuất chỉ đạt 10,4 triệu đồng/ha/năm, chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của tỉnh. Liên kết trong sản xuất lâm nghiệp đã hình thành, đúng định hướng ở một số nơi với quy mô diện tích nhỏ, như việc doanh nghiệp giúp người dân và chủ rừng xây dựng, tổ chức thực hiện quy trình quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng FSC (khoảng 11,5 nghìn ha). Qua đó giá trị rừng trồng được tăng lên; sản phẩm gỗ khai thác có điều kiện tham gia thị trường nguyên liệu cung cấp cho chế biến đồ gỗ xuất khẩu.

2- Công tác quy hoạch 3 loại rừng

Theo kết quả rà soát quy hoạch 3 loại rừng (Quyết định 3042/QĐ-UBND ngày 27/12/2018) tổng diện tích quy hoạch lâm nghiệp là 298.013 ha, trong đó: Quy hoạch rừng sản xuất 149.429,0 ha. Nếu trừ đi diện tích rừng tự nhiên đang

trong giai đoạn thực hiện đóng cửa rừng thì diện tích còn lại lên tới 121.297,92 ha, (bao gồm: 69.321,88ha rừng trồng, 51.976,04 ha đất trống) là tiềm năng lớn để phát triển kinh tế Lâm nghiệp, khai thác lợi thế của tỉnh về vị trí địa lý và lao động.

3- Về chính sách đầu tư

Hiện nay trên địa bàn tỉnh đã và đang triển khai, thực hiện một số chính sách đầu tư như sau:

- Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2011-2020 theo Quyết định số 886/QĐ-TTg, ngày 16/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó tại Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ, quy định mức hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất gỗ nhỏ 5.000.000 đồng/ha và gỗ lớn 8.000.000 đồng/ha.

Thực tế nguồn vốn ngân sách Trung ương cân đối hàng năm rất hạn chế (chỉ khoảng 7 - 8 tỷ đồng/năm cho toàn tỉnh) nên hàng năm ưu tiên chủ yếu phân bổ cho các công trình chăm sóc, bảo vệ rừng chuyên tiếp. Phần còn lại hầu hết hỗ trợ đầu tư trồng rừng gỗ nhỏ (với mức hỗ trợ 5.000.000 đồng/ha) chỉ đáp ứng nhu cầu từ 800-1.000 ha/năm; việc triển khai hỗ trợ trồng rừng gỗ lớn (với mức hỗ trợ với mức hỗ trợ 8.000.000 đồng/ha) nhưng vẫn không được người dân hưởng ứng. Nguyên nhân là do với mức hỗ trợ như trên (8.000.000 đồng/ha/năm) mới chỉ hỗ trợ được chi phí về giống, chưa thể giải quyết khó khăn về vốn để thực hiện kéo dài chu kỳ đầu tư cùng các biện pháp thâm canh rừng. Hơn nữa chưa giải quyết được khó khăn về đời sống cho người trồng rừng khi kéo dài chu kỳ khai thác từ 4 - 6 năm lên 12 - 15 năm, [chưa thấy rõ hiệu quả kinh tế trong kinh doanh rừng gỗ lớn.](#)

- Chính sách thu hút đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/04/2018: Do nguồn lực thực hiện rất khó khăn nên chưa khuyến khích doanh nghiệp lớn vào đầu tư.

- Chính sách tín dụng (vay vốn) để phát triển rừng sản xuất theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ; Thông tư số 27/2015/TT-NHNN ngày 27/12/2015 của Ngân hàng nhà nước, về hướng dẫn thực hiện cho vay vốn trồng rừng sản xuất, phát triển chăn nuôi theo quy định tại Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ:

Việc triển khai thực hiện còn rất hạn chế do người dân có tâm lý e dè về khả năng trả nợ (gốc và lãi) rủi ro về thiên tai, sâu bệnh, cháy rừng và thời tiết bất lợi trong khi chu kỳ kinh doanh rừng rất dài.

4- Về chế biến gỗ và lâm sản

Toàn tỉnh hiện có 253 cơ sở chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ với quy mô vừa và nhỏ, trong đó có 6 nhà máy và xí nghiệp, gồm: nhà máy MDF Vinafor Tân an (công suất thiết kế: Ván MDF 54 nghìn m³/năm, ván ghép thanh 2.000 m³/năm; đã sản xuất kinh doanh và tham gia vào thị trường); nhà máy MDF Phú Thành, Lạc Thủy (công suất 40 nghìn m³/năm, đang trong quá trình xây dựng dự án đầu tư);

Xí nghiệp chế biến lâm sản Sơn Thủy; Nhà máy ván sàn Hoà Bình; Công ty TNHH Phú Đạt - Lương Sơn; Công ty cổ phần Lâm sản Hoà Bình. Còn lại là 247 cơ sở chế biến gỗ quy mô nhỏ do tư nhân bỏ vốn đầu tư với trang thiết bị lạc hậu, chủ yếu sản xuất sản phẩm trung gian (bán sản phẩm) chưa có doanh nghiệp chế biến tinh chế (đồ mộc cao cấp).

5- Thực trạng về liên kết trong sản xuất lâm nghiệp và cấp chứng chỉ rừng FSC

Hiện nay trên địa bàn tỉnh đã hình thành một số liên kết giữa các doanh nghiệp với chủ rừng như Công ty lâm nghiệp Hoà Bình, Công ty cổ phần Sơn Thủy. Trong đó các doanh nghiệp này đã hỗ trợ cho chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân xây dựng và thực hiện quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc và quản lý rừng bền vững; mời các tổ chức trong nước và quốc tế có nhiệm vụ đến thẩm tra, xem xét cấp chứng chỉ FSC cho nhân dân với diện tích được cấp chứng chỉ FSC đạt khoảng 11,5 nghìn. Tuy nhiên chủ yếu vẫn là trồng rừng gỗ nhỏ; việc liên kết kinh doanh chưa chặt chẽ, chưa có tổ chức trung gian như Hợp tác xã,... tham gia vào chuỗi liên kết giúp doanh nghiệp tổ chức quản lý phát triển rừng sản xuất; diện tích rừng được cấp chứng chỉ FSC còn ít so với quy mô phát triển.

III- TỒN TẠI, HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN

1- Những hạn chế, tồn tại

- Nhiều diện tích rừng trồng sản xuất có nguồn gốc giống chất lượng thấp, thời gian tăng trưởng sinh khối cây rừng ngắn, không thể chuyển hóa kinh doanh rừng gỗ lớn;

- Phần lớn diện tích rừng trồng khai thác non, bán nguyên liệu thô để đáp ứng nhu cầu đời sống trước mắt. Tư duy, nhận thức của nhân dân đối với rừng trồng gỗ lớn còn hạn chế, đặc biệt là quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng FSC.

- Tổ chức sản xuất chủ yếu theo hình thức tự phát theo mô hình hộ gia đình, chưa hình thành được các liên kết chuỗi gắn kết giữa doanh nghiệp chế biến, Hợp tác xã lâm nghiệp và chủ rừng.

- Các cơ sở chế biến hiện có tại địa phương chủ yếu quy mô vừa và nhỏ với công nghệ lạc hậu, thiếu vốn đầu tư, nguồn nhân lực chất lượng không cao, thiếu thông tin thị trường.

- Chưa thu hút được doanh nghiệp chế biến quy mô lớn, công nghệ hiện đại vào đầu tư, liên kết tạo và phát triển vùng nguyên liệu rừng trồng gỗ lớn tập trung gắn với quy hoạch chế biến.

- Chưa có quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc rừng được xây dựng một cách khoa học, phù hợp với điều kiện tự nhiên kinh tế- xã hội tại địa phương;

- Giá trị đóng góp ngành kinh tế lâm nghiệp chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của tỉnh.

2- Nguyên nhân

- Nhận thức về vai trò, giá trị của rừng đối với đời sống xã hội của các cấp,

các ngành một vài nơi chưa cao;

- Đời sống nhân dân khó khăn, thiếu vốn đầu tư thâm canh rừng; tâm lý sử dụng giống trồng rừng giá rẻ, vốn đầu tư ít còn diễn ra phổ biến.

- Chi phí đầu tư cấp chứng chỉ FSC tuy không cao nhưng sau khi được cấp, muốn duy trì chứng chỉ đã cấp phải được kiểm tra, đánh giá hàng năm, đòi hỏi sự thích ứng của người dân thông qua thay đổi thói quen trước đây và phải tuân thủ những nguyên tắc, tiêu chí quy định theo quy trình quản lý rừng bền vững.

- Diện tích rừng, đất rừng đã hoàn thành giao cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư theo Nghị định số 02-CP ngày 15/01/1994 của Chính phủ, nay được rà soát cấp đổi (theo Quyết định số 672 của Thủ tướng Chính phủ) chủ yếu diện tích nhỏ lẻ, phân tán nên khó cơ giới hóa và áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất;

- Tình trạng sử dụng giống cây trồng rừng trôi nổi trên thị trường, không rõ nguồn gốc, chất lượng kém chưa được kiểm soát chặt chẽ.

- Các cơ sở chế biến sản xuất kinh doanh vừa và nhỏ hạn chế về năng lực sản xuất và vốn đầu tư nên công nghệ sản xuất thường lạc hậu, mẫu mã sản phẩm chưa đa dạng, phong phú, đặc biệt không đáp ứng được yêu cầu về thời gian, tiến độ giao hàng với các đơn hàng lớn nên khó cạnh tranh trên thị trường. Đồng thời do thiếu vốn đầu tư nên chưa thể thâm nhập được vào thị trường quốc tế. Ngoài ra hầu hết các doanh nghiệp chưa chủ động xây dựng được vùng nguyên liệu, đáp ứng lâu dài cho sản xuất; các mối liên kết giữa trồng rừng - khai thác rừng - chế biến - thương mại lâm sản chưa bền chặt.

- Nhiều chính sách của nhà nước đã ban hành song không cân đối với điều kiện tài chính để tổ chức thực hiện; tỉnh chưa có cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển rừng sản xuất trên địa bàn.

Phần thứ ba

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRONG HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN RỪNG SẢN XUẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ BÌNH GIAI ĐOẠN 2020-2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2035

I- MỤC TIÊU

1- Mục tiêu chung

Nâng cao giá trị sản xuất, kinh doanh và phát triển bền vững rừng sản xuất là rừng trồng trên cơ sở hình thành chuỗi liên kết từ trồng, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nhằm nâng cao giá trị tăng thêm ngành lâm nghiệp, khả năng cạnh tranh sản phẩm và phát triển rừng bền vững. Cụ thể

*** Đến năm 2025**

- Hàng năm, trung bình có 3 nghìn ha rừng trồng gỗ nhỏ được chuyển hóa sang kinh doanh gỗ lớn, 6 nghìn ha rừng trồng mới thâm canh gỗ lớn bằng giống chất lượng cao;

- Có 30% diện tích rừng sản xuất là rừng trồng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững FSC

- Năng suất rừng trồng tăng lên 1,3 lần, sản lượng gỗ đạt trung bình 150 m³/ha/chu kỳ gỗ lớn, giá trị thu được bình quân mỗi năm trên 1 ha đất rừng trồng sản xuất tăng gấp 2,5 lần (25 triệu/ha/năm).

- Tỷ trọng ngành lâm nghiệp chiếm 16% tăng trưởng ngành.

- Duy trì độ che phủ rừng hàng năm 50%.

* Định hướng đến năm 2035

- Có trên 90% diện tích rừng sản xuất là rừng trồng kinh doanh gỗ lớn.

- Trong quy hoạch rừng sản xuất diện tích đất trống còn dưới 10%.

- Có trên 60% diện tích rừng trồng trong quy hoạch rừng sản xuất được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững FSC

- Tỷ trọng ngành lâm nghiệp chiếm 20% tăng trưởng ngành.

- Độ che phủ rừng trên 50%.

II- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1-Nhiệm vụ

b) Giai đoạn 2020-2025:

+ Thông tin tuyên truyền các chính sách hỗ trợ;

+ Bình tuyển cây đầu dòng, hỗ trợ nuôi cây mô;

+ Hỗ trợ trồng rừng thâm canh gỗ lớn bằng cây giống chất lượng cao và phân bón 36.000 ha;

+ Chuyển hóa kinh doanh rừng trồng gỗ nhỏ sang kinh doanh rừng trồng gỗ lớn 18.000 ha;

+ Xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng FSC 31.500 ha;

+ Đào tạo, nâng cao năng lực cho người trồng rừng;

+ Hỗ trợ lãi suất vay vốn ngân hàng để đầu tư thâm canh rừng và kéo dài chu kỳ kinh doanh rừng gỗ lớn.

b) Giai đoạn 2026-2035:

+ Diện tích rừng trồng sản xuất gỗ lớn (trồng rừng và chuyển hóa) có khoảng 82.620 ha;

+ Đào tạo, nâng cao năng lực cho người trồng rừng;

+ Xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng FSC 59.640 ha;

+ Hỗ trợ lãi suất vay vốn ngân hàng để đầu tư thâm canh rừng và kéo dài chu kỳ kinh doanh rừng gỗ lớn..

2- Giải pháp

a) Cơ chế, chính sách

- Triển khai thực hiện đồng bộ hệ thống cơ chế chính sách hiện có của Trung ương và địa phương, bao gồm:

+ Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 - 2020;

+ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

+ Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ, về việc ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp;

- Khuyến khích hỗ trợ doanh nghiệp chế biến vào đầu tư; thành lập các Hợp tác xã Lâm nghiệp, trong đó xây dựng, hình thành chuỗi liên kết giá trị lâm nghiệp (thực hiện theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ);

- Khuyến khích liên doanh liên kết, trao đổi, chuyển nhượng, góp vốn bằng quyền sử dụng rừng, đất rừng nhằm thực hiện dồn điền đổi thửa, tích tụ đất lâm nghiệp, tạo ra các vùng sản xuất có quy mô lớn;

- Xây dựng và ban hành cơ chế chính sách của tỉnh để thực hiện mục tiêu Đề án, gồm: Hỗ trợ đầu tư trồng rừng thâm canh bằng cây giống chất lượng cao và phân bón; chuyển hóa kinh doanh rừng trồng gỗ nhỏ sang gỗ lớn; xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng FSC. Hỗ trợ lãi suất vốn vay đầu tư kinh doanh gỗ lớn cho hộ gia đình, cá nhân.

b) Tăng cường quản lý nhà nước về lâm nghiệp

- Nâng cao vai trò trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền cơ sở về quản lý quy hoạch, quản lý bảo vệ, khai thác rừng bền vững;

- Phối hợp, quản lý chặt chẽ chất lượng giống cây trồng với nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, kiên quyết xử lý đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân vi phạm các quy định về quản lý chất lượng giống;

- Tăng cường tổ chức bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng cháy và chữa cháy, phòng, trừ sinh vật gây hại rừng với các giải pháp phát triển, sử dụng rừng bền vững. Gắn kết theo chuỗi các công đoạn trồng - chăm sóc - khai thác - chế biến và thương mại lâm sản tại địa phương;

- Phân công, phân cấp nhiệm vụ cụ thể cho các cấp, các ngành trong tổ chức thực hiện; xây dựng cơ chế cấp phát, quản lý nguồn vốn, giám sát, đánh giá quá trình thực hiện.

c) Đào tạo, tuyên truyền, phổ biến

- Tổ chức tuyên truyền sâu rộng về mục đích, ý nghĩa của chính sách hỗ trợ phát triển lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh để các tổ chức, cá nhân và chủ rừng thấy được lợi ích của việc sử dụng giống chất lượng cao trong trồng rừng, thâm canh

rừng; trồng và chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang sản xuất, kinh doanh rừng gỗ lớn; cấp chứng chỉ rừng FSC;

- Tuyên truyền về giá trị kinh tế, xã hội, môi trường, an ninh quốc phòng của rừng; nâng cao ý thức, trách nhiệm về phát triển rừng, bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng;

- Vận động các hộ gia đình sống trong và gần rừng ký cam kết bảo vệ rừng; tăng cường hoạt động khuyến lâm, xây dựng các mô hình lâm nghiệp chất lượng cao, khuyến khích phát triển nông lâm kết hợp, canh tác hiệu quả bền vững.

- Đào tạo, nâng cao năng lực cho người trồng rừng về: thâm canh rừng, chuyển hóa rừng sang kinh doanh gỗ lớn, quản lý rừng bền vững, tạo sinh kế dưới tán rừng, khai thác môi trường rừng.

d) Khoa học và công nghệ

- Tập trung nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ phục vụ tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp, trong đó ưu tiên các nghiên cứu về chọn lọc, cải thiện chất lượng giống; các nghiên cứu về kỹ thuật thâm canh rừng, khảo nghiệm mở rộng các giống tiến bộ kỹ thuật, giống nhập nội, giống chất lượng cao phục vụ trồng rừng gỗ lớn đáp ứng yêu cầu công nghệ chế biến;

- Đẩy mạnh áp dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ, cơ giới hoá trong trồng, chăm sóc, khai thác rừng trồng. Hướng dẫn, khuyến khích mở rộng sản xuất và quản lý theo tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững;

- Tăng cường công tác khuyến nông, chuyển giao tiến bộ về khoa học công nghệ để nâng cao chất lượng nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất đồ mộc.

đ) Liên kết sản xuất và thị trường

- Tổ chức sản xuất theo chuỗi sản phẩm từ trồng rừng, khai thác rừng, thu mua nguyên liệu, chế biến và tiêu thụ sản phẩm; liên kết chặt chẽ giữa doanh nghiệp chế biến với hợp tác xã và chủ rừng; tạo vùng nguyên liệu ổn định gắn với quy hoạch chế biến gỗ;

- Nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến thương mại thông qua hoạt động hội chợ triển lãm; tăng cường cải tiến về kiểu dáng và chất lượng sản phẩm tiêu thụ nội địa để cạnh tranh mạnh mẽ với hàng nhập khẩu. Giữ vững và phát triển thị phần tiêu thụ nội địa;

- Tăng cường công tác nghiên cứu, phân tích và dự báo thị trường về nhu cầu, xu hướng tiêu thụ sản phẩm, biến động thị trường để xây dựng chiến lược phát triển sản phẩm phù hợp. Từng bước thu hút đầu tư sản xuất các mặt hàng chế biến tinh, chế biến sâu cho phân khúc thị trường trung bình và cấp cao, tiêu thụ tại các thị trường khó tính như Mỹ, châu Âu, Nhật Bản,...;

- Thực hiện các cam kết, hợp tác quốc tế; mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, chế biến, xuất khẩu lâm sản, quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng; tranh thủ các nguồn viện trợ quốc tế.

e) Giải pháp về vốn

Cân đối, bố trí kịp thời theo điều kiện thực tế nguồn vốn ngân sách nhà nước, gồm nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương từ Chương trình mục tiêu Bảo vệ và phát triển rừng bền vững, vốn hỗ trợ từ ngân sách địa phương (cấp tỉnh và huyện) làm môi huy động các nguồn vốn khác; sử dụng lồng ghép có hiệu quả nguồn lực của các doanh nghiệp và nguồn tự có trong nhân dân để thực hiện đề án.

III- NỘI DUNG HỖ TRỢ VÀ NHU CẦU VỐN

1- Nội dung hỗ trợ

- Thông tin tuyên truyền các chính sách hỗ trợ;
- Bình tuyên cây đầu dòng, hỗ trợ nuôi cấy mô;
- Hỗ trợ cây giống chất lượng cao và phân bón cho các hộ trồng rừng tham gia liên kết;
- Hỗ trợ chuyên hóa kinh doanh rừng gỗ nhỏ sang gỗ lớn;
- Hỗ trợ cấp chứng chỉ rừng FSC.
- Đào tạo, nâng cao năng lực cho người trồng rừng;
- Hỗ trợ lãi suất vay vốn đầu tư thâm canh rừng và chuyển hóa rừng trồng sản xuất gỗ nhỏ sang gỗ lớn.

2- Nhu cầu vốn

Tổng nhu cầu vốn thực hiện đề án khoảng 2.601.617 triệu đồng, trong đó:

- *Giai đoạn 2020-2025 khoảng 1.099.360 triệu đồng, bao gồm:*
 - + Ngân sách trung ương khoảng 233.700 triệu đồng, bình quân 38.950 triệu đồng/năm.
 - + Ngân sách tỉnh khoảng 98.410 triệu đồng, bình quân 16.402 triệu đồng/năm;
 - + Ngân sách huyện, thành phố khoảng 11.250 triệu đồng, bình quân 1.875 triệu đồng/năm;
 - + Nguồn vốn khác 756.000 triệu đồng, bình quân 126.000 triệu đồng/năm
- *Giai đoạn 2026-2035 khoảng 1.502.257 triệu đồng, bao gồm:*
 - + Ngân sách trung ương khoảng 330.400 triệu đồng, bình quân 33.040 triệu đồng/năm.
 - + Ngân sách tỉnh khoảng 243.877 triệu đồng, bình quân 24.388 triệu đồng/năm;
 - + Ngân sách huyện, thành phố khoảng 19.380 triệu đồng, bình quân 1.938 triệu đồng/năm;
 - + Nguồn vốn khác 908.600 triệu đồng, bình quân 90.860 triệu đồng/năm.

(Có Biểu tổng hợp khái toán nhu cầu vốn chi tiết kèm theo)

Phần thứ tư

HIỆU QUẢ ĐỀ ÁN VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I- HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN

1- Hiệu quả về môi trường

Thực hiện kéo dài chu kỳ kinh doanh gỗ lớn sẽ góp phần duy trì ổn định độ che phủ rừng của tỉnh trên 51%; duy trì và điều tiết nguồn nước, phòng chống lũ lụt và hấp thu các bon, thích ứng với biến đổi khí hậu,...

2- Hiệu quả về kinh tế

- Phát triển rừng trồng gỗ lớn, chuyển hóa kinh doanh rừng trồng gỗ lớn là giải pháp thiết thực nhằm nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng, khai thác sử dụng có hiệu quả tài nguyên rừng. Dự báo thâm canh rừng theo chu kỳ từ 10 năm trở lên thì sản lượng gỗ khai thác ước đạt khoảng trên 150 m³/ha/chu kỳ, giá trị thu được bình quân mỗi năm trên 1 ha đất rừng trồng tăng gấp 2,5 lần (25 triệu/ha/năm) so với khai thác non.

- Tổ chức xây dựng, thực hiện phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng FSC góp phần nâng cao giá tiêu thụ sản phẩm gỗ khai thác và thu nhập cho người trồng rừng do giải quyết được nút thắt trong các quy định về môi trường và sử dụng lao động từ các thị trường xuất khẩu khó tính như Mỹ, EU, Nhật Bản ...vv.

- Ngoài các giá trị kinh tế trực tiếp, việc thực hiện hiệu quả đề án còn thúc đẩy và đem lại lợi ích về kinh tế cho các ngành khác như công nghiệp chế biến, nông nghiệp, du lịch,...

3- Hiệu quả về xã hội

Tạo thêm việc làm và thu nhập ổn định cho người trồng rừng, thu hút hàng nghìn lao động nhân rỗi vào sản xuất lâm nghiệp,... góp phần giảm bớt áp lực về lao động thất nghiệp dịch chuyển từ nông thôn ra thành thị, ổn định cuộc sống ở vùng nông thôn.

II- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1- Các cấp ủy Đảng, chính quyền trong tỉnh

Ban cán sự Đảng tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét giao nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ngành, địa phương trong xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện hoàn thành các mục tiêu của Đề án. Hàng năm tổng hợp, báo cáo với Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết quả thực hiện để rút ra bài học kinh nghiệm và có các chủ trương định hướng bổ xung, điều chỉnh chỉ đạo kịp thời.

Các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, đôn đốc, chỉ đạo triển khai thực hiện chính sách theo kế hoạch được duyệt và kịp thời báo cáo, thông tin tình hình, kết quả thực hiện theo quy định. Các cơ quan thông tin đại chúng xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để tuyên truyền, phổ biến sâu rộng đến cán bộ đảng viên và quần chúng nhân dân để tạo ra sự đồng tình trong ý chí và hiệu quả trong tổ chức thực hiện.

2- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Là cơ quan thường trực có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành, địa phương xây dựng chính sách hỗ trợ trình phê duyệt làm căn cứ cân đối bố trí nguồn lực; xem xét, thẩm định kế hoạch hàng năm từ cấp huyện từ đó tổng hợp, xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ trên địa bàn toàn tỉnh; phối hợp

với các Sở Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính thống nhất phân bổ nguồn vốn trình phê duyệt để tổ chức thực hiện.

Theo dõi kết quả thực hiện, kịp thời đề xuất các giải pháp nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

Chủ trì tổ chức kiểm tra kết quả nghiệm thu theo kế hoạch hàng năm của UBND cấp huyện, Ban quản lý dự án cơ sở làm căn cứ thanh quyết toán; tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện trên địa bàn tỉnh báo cáo UBND tỉnh.

3- Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì thẩm định chủ trương đầu tư, kế hoạch đấu thầu các chương trình dự án thực hiện Chính sách theo phân công phân cấp; phối hợp với Sở Tài chính cân đối bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương đảm bảo nhu cầu thực hiện hàng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

4- Sở Tài chính

Sở Tài chính phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối, bố trí nguồn vốn thực hiện Đề án; chủ trì thẩm định dự toán kinh phí hỗ trợ hàng năm, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; hướng dẫn quy trình giải ngân, thực hiện thanh quyết toán nguồn kinh phí hỗ trợ hàng năm theo quy định hiện hành.

5- Sở Khoa học và Công nghệ

- Tổ chức nghiên cứu phát triển, chuyển giao công nghệ giâm hom, nuôi cấy mô và ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp;

- Xây dựng một số mô hình trồng cây lâm nghiệp mọc nhanh, giá trị kinh tế cao phù hợp điều kiện khí hậu đưa vào phát triển kinh tế lâm nghiệp ở địa phương;

- Bố trí kinh phí sự nghiệp khoa học cho các đề tài, chương trình nghiên cứu phát triển lâm nghiệp, trong đó chú trọng nghiên cứu, khảo nghiệm các loại giống mới đưa vào sản xuất.

6- Các Sở, ngành liên quan và tổ chức chính sách xã hội

- Các tổ chức chính trị xã hội, cơ quan thông tấn báo chí trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của mình, tăng cường công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên tích cực tham gia vào phát triển trồng rừng sản xuất;

- Chỉ đạo các cơ quan trong cả hệ thống vào cuộc mạnh mẽ, hỗ trợ cơ quan chức năng và chính quyền địa phương trong công tác phát triển rừng;

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thực hiện; tham gia kiểm tra, giám sát và đôn đốc thực hiện Đề án.

7- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Chỉ đạo các phòng chuyên môn chủ trì phối với Ủy ban nhân dân cấp xã, phường và cơ quan đơn vị liên quan rà soát, đăng ký kế hoạch và dự toán kinh phí hàng năm trình thẩm định phê duyệt; tổ chức thi công các hạng mục công trình; nghiệm thu các bước và giải ngân, thanh toán và thực hiện kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, báo cáo theo quy định hiện hành.

8- Các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư

- Cam kết thực hiện đúng quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng tùy theo đối tượng hỗ trợ, đặc biệt tuân thủ về thời gian, thời điểm khai thác, thu hoạch đối với rừng trồng gỗ lớn;

- Thực hiện đầy đủ các quy định của địa phương cũng như pháp luật hiện hành về lâm nghiệp, trong đó bao gồm việc trồng ngay lại rừng vào vụ trồng rừng liền kề sau khi khai thác.

Phần thứ năm

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1- Kết luận

Tỉnh Hòa Bình có tiềm năng, lợi thế về đất đai, tài nguyên rừng, vị trí địa lý, giao thông thuận lợi tiếp giáp với thủ đô Hà Nội và vùng đồng bằng bắc bộ để phát triển rừng nói chung, phát triển rừng trồng sản xuất gỗ lớn nói riêng phục vụ ngành công nghiệp chế biến và phát triển thị trường tiêu thụ. Trong những năm qua, Hòa Bình chủ yếu dựa vào nguồn vốn hỗ trợ của trung ương thúc đẩy phát triển rừng sản xuất, phủ xanh đất trống đồi trọc, nhiều chủ rừng đã thoát nghèo,... Tuy nhiên năng suất chất lượng, giá trị rừng trồng còn thấp; nguồn giống sử dụng cho trồng rừng không có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, chất lượng kém còn khá phổ biến; việc xây dựng và thực hiện quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng FSC chưa được quan tâm. Kết quả tỉnh chưa hình thành được vùng nguyên liệu gỗ lớn tập trung nên không thu hút được các nhà máy chế biến gỗ quy mô lớn, hiện đại, sản xuất các sản phẩm tinh chế đầu tư vào địa phương.

Vì vậy việc cải thiện năng suất, chất lượng thông qua cách mạng về giống cây trồng rừng; khuyến khích hỗ trợ phát triển rừng trồng gỗ lớn, cấp chứng chỉ rừng FSC; hỗ trợ lãi suất vốn vay để kéo dài chu kỳ đầu tư là những hoạt động quan trọng góp phần khai thác hiệu quả tiềm năng về đất đai và lao động, sử dụng hợp lý và bền vững tài nguyên rừng, tạo công ăn việc và tăng thu nhập cho nhân dân là việc làm mang tính cấp thiết trong giai đoạn hiện nay.

2- Kiến nghị

Khi Đề án hỗ trợ phát triển rừng bền vững sản xuất của tỉnh được triển khai sẽ khuyến khích các chủ rừng sử dụng giống chất lượng cao; kéo dài chu kỳ kinh doanh rừng gỗ nhỏ sang kinh doanh rừng trồng gỗ lớn; nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị rừng trồng, đáp ứng nhu cầu nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, đặc biệt hàng mộc xuất khẩu. Đây là Đề án, chính sách quan trọng quyết định sự thành công của Đề án Tái cơ cấu ngành lâm nghiệp tỉnh Hòa Bình, cũng như phù hợp với phát biểu chỉ đạo định hướng của Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc (tại Hội nghị xúc tiến đầu tư tại tỉnh) là lợi thế của tỉnh là kinh tế lâm nghiệp và hoạt động du lịch, rất mong được sự quan tâm, chỉ đạo cụ thể, quyết liệt của Tỉnh ủy bằng ban hành Nghị quyết “*Chính sách hỗ trợ phát triển bền vững rừng sản xuất tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến 2035*”, để Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh giao UBND tỉnh chỉ đạo các Sở, Ban,

ngành, địa phương tham mưu xây dựng cơ chế chính sách và tổ chức thực hiện.

Sau khi triển khai giai đoạn 2020-2025 và đánh giá, kết quả thực hiện, đề nghị các cấp có thẩm quyền xem xét cho phép tiếp tục thực hiện chính sách giai đoạn 2026-2035./.

BAN CÁN SỰ ĐẢNG UBND TỈNH